

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp  
Hóa chất**

Báo cáo tài chính riêng cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## **Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất** **Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận** 0100103520 ngày 13 tháng 6 năm 2015  
**Đăng ký Kinh doanh số**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 13 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100103520 ngày 13 tháng 6 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Đỗ Hiên Ngang Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ông Đinh Đức Bộ Ông Nguyễn Công Thắng Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ông Văn Đức Thắng Ông Trần Đăng Thái Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Nguyễn Văn Bang Bà Nguyễn Thị Bích Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Trưởng ban Thành viên Thành viên
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Số 21A, Phố Cát Linh Phường Cát Linh Quận Đống Đa, Hà Nội Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

## Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc  
  
Nguyễn Mạnh Hùng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến 34.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 3 năm 2015.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-098-a



Dạm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>260.128.626.687</b>	<b>201.898.828.090</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>112.770.891.802</b>	<b>79.091.489.368</b>
Tiền	111		32.770.891.802	79.091.489.368
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>98.306.393.670</b>	<b>77.187.009.862</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6(a)	88.514.918.260	60.957.138.040
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.882.486.104	6.680.072.965
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	5.794.745.860	11.235.987.774
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.885.756.554)	(1.686.188.917)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>43.125.747.271</b>	<b>37.101.686.573</b>
Hàng tồn kho	141		43.125.747.271	37.101.686.573
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.925.593.944</b>	<b>8.518.642.287</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.496.089.940	8.518.642.287
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		429.504.004	-
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>28.023.902.053</b>	<b>26.185.015.922</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.870.145.487</b>	<b>6.401.525.607</b>
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	6.870.145.487	6.401.525.607
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.937.171.509</b>	<b>8.103.358.241</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.243.089.797	5.820.946.553
Nguyên giá	222		18.930.232.667	19.204.075.489
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.687.142.870)	(13.383.128.936)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.694.081.712	2.282.411.688
Nguyên giá	228		3.312.050.000	3.422.050.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.617.968.288)	(1.139.638.312)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>14.046.500.000</b>	<b>11.183.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		12.408.500.000	9.545.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.170.085.057</b>	<b>497.132.074</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.170.085.057	497.132.074
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>288.152.528.740</b>	<b>228.083.844.012</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>233.937.541.445</b>	<b>172.941.436.685</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>232.234.276.968</b>	<b>171.575.662.592</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	39.843.309.942	54.118.321.592
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6(c)	144.698.456.527	3.009.125.360
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	1.762.953.520	5.081.148.181
Phải trả người lao động	314		1.582.508.705	4.385.669.413
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	39.615.221.160	14.094.447.479
Phải trả ngắn hạn khác	319		9.643.220	5.092.396
Vay ngắn hạn	320	16	4.450.380.800	90.847.986.711
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		271.803.094	33.871.460
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.703.264.477</b>	<b>1.365.774.093</b>
Phải trả dài hạn khác	337		43.310.419	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		995.929.965	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		664.024.093	1.365.774.093
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>54.214.987.295</b>	<b>55.142.407.327</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>54.214.987.295</b>	<b>55.142.407.327</b>
Vốn cổ phần	411	18	29.885.180.000	29.885.180.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>29.885.180.000</i>	<i>29.885.180.000</i>
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.705.379.882	9.702.544.981
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.624.427.413	15.554.682.346
- <i>LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>3.940.533.145</i>	<i>2.211.899.342</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>6.683.894.268</i>	<i>13.342.783.004</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>288.152.528.740</b>	<b>228.083.844.012</b>


Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:

  
 Trần Ngọc Sơn  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Đinh Đức Bộ  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Mạnh Hùng  
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	276.818.181.038	436.120.733.817
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	251.600.991	633.315.557
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>276.566.580.047</b>	<b>435.487.418.260</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	234.567.706.445	388.396.085.540
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>41.998.873.602</b>	<b>47.091.332.720</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.717.337.865	1.053.227.841
Chi phí tài chính	22	24	6.386.578.583	7.685.742.217
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.237.247.583	7.526.350.615
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	33.075.686.146	25.090.321.083
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>4.253.946.738</b>	<b>15.368.497.261</b>
Thu nhập khác	31	26	5.522.214.816	1.685.487.332
Chi phí khác	32		315.925.304	78.273.616
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.206.289.512</b>	<b>1.607.213.716</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>9.460.236.250</b>	<b>16.975.710.977</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.980.930.982	3.632.927.973
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>7.479.305.268</b>	<b>13.342.783.004</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Trần Ngọc Sơn  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Đinh Đức Bộ  
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>9.460.236.250</b>	<b>16.975.710.977</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		2.269.186.732	2.971.885.990
Các khoản dự phòng	03		1.195.497.602	279.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(110.028.544)	(7.362.013)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.725.290.838)	(1.053.227.841)
Chi phí lãi vay	06		6.237.247.583	7.526.350.615
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>17.326.848.785</b>	<b>26.692.757.728</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(19.194.522.982)	41.244.824.863
Biến động hàng tồn kho	10		(6.024.060.698)	1.163.942.634
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		147.898.552.736	(48.372.512.327)
Biến động chi phí trả trước	12		(672.952.983)	(178.649.615)
			<b>139.333.864.858</b>	<b>20.550.363.283</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.123.884.907)	(7.526.350.615)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.089.744.758)	(3.857.799.918)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	30.087.852.073
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.893.507.666)	(18.038.947.945)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>127.226.727.527</b>	<b>21.215.116.878</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(103.000.000)	(580.727.272)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		22.409.091	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(2.863.500.000)	(1.245.000.000)
Thu lãi tiền gửi và và cổ tức	27		1.702.881.747	1.053.227.841
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.241.209.162)</b>	<b>(772.499.431)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		145.236.149.693	260.797.253.782
Tiền trả nợ gốc vay	34		(231.633.755.604)	(207.650.718.154)
Tiền trả cổ tức	36		(6.018.538.564)	(5.964.015.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(92.416.144.475)</b>	<b>47.182.520.328</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>33.569.373.890</b>	<b>67.625.137.775</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	79.091.489.368	11.458.989.580
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		110.028.544	7.362.013
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>112.770.891.802</b>	<b>79.091.489.368</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Trần Ngọc Sơn  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Đinh Đức Bộ  
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng; xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; tư vấn xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chi hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; xử lý chất thải công nghiệp, đánh giá tác động môi trường; hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; xây dựng lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; lập đề án bảo vệ môi trường; lập bản cam kết bảo vệ môi trường; dịch vụ quan trắc môi trường; tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...).

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 1 công ty con (1/1/2015: 1 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh số 12, 1 văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các chi nhánh sau:

<b>Chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng	Hải Phòng, Việt Nam
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ	Phú Thọ, Việt Nam
• Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi	Quảng Ngãi, Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 251 nhân viên (1/1/2015: 243 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty được trình bày trong thuyết minh 4(a) – Các giao dịch bằng ngoại tệ.

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 5 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất được Nhà nước giao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên giá trị khối lượng đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắn chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	778.844.903	853.978.343
Tiền gửi ngân hàng	31.992.046.899	78.237.511.025
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	-
	<b>112.770.891.802</b>	<b>79.091.489.368</b>

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần DAP số 2	51.212.122.649	5.478.190.309
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	6.198.690.007	5.184.566.151
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	5.054.694.538	1.274.512.638
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	3.935.178.765	2.892.869.630
Tổng Công ty Phát điện 1	3.474.520.171	2.952.006.144
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	1.674.434.907	8.549.606.933
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển nhà Hà Nội 22	655.920.878	1.619.920.878
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	60.171.600	1.705.981.200
Công ty Cổ phần Vật tư nông sản	-	12.901.946.925
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	-	3.150.000.000
Các khách hàng khác	16.249.184.745	15.247.537.232
	<b>88.514.918.260</b>	<b>60.957.138.040</b>

**(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần DAP số 2	51.212.122.649	5.478.190.309
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	6.198.690.007	5.184.566.151
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	5.054.694.538	1.274.512.638
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	60.171.600	1.705.981.200
	<b>62.525.678.794</b>	<b>13.643.250.298</b>

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	132.467.703.877	-
Các khách hàng khác	12.230.752.650	3.009.125.360
	<hr/>	
	144.698.456.527	3.009.125.360
	<hr/>	

**(d) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	132.467.703.877	-
	<hr/>	

**7. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã phân loại lại</b>
Tạm ứng cho nhân viên	4.104.582.709	9.088.366.750
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	996.141.741	859.058.241
Phải thu bảo hiểm xã hội	43.899.314	160.619.219
Kí cược, kí quỹ	-	67.689.402
Phải thu khác	650.122.096	1.060.254.162
	<hr/>	
	5.794.745.860	11.235.987.774
	<hr/>	

**(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã phân loại lại</b>
Kí cược, kí quỹ	6.870.145.487	6.401.525.607
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2015			1/1/2015				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH								
Hóa Mỹ Phẩm Hòa Hợp	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-	Trên 3 năm	1.140.277.000	(1.140.277.000)	-
Công ty CP Phân lân Nung	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-
chảy Lào Cai	Trên 3 năm	545.479.554	(545.479.554)	-	Trên 3 năm	345.911.917	(345.911.917)	-
Khác								
		<b>1.885.756.554</b>	<b>(1.885.756.554)</b>	<b>-</b>		<b>1.686.188.917</b>	<b>(1.686.188.917)</b>	<b>-</b>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	(1.885.756.554)	(1.686.188.917)
--------------------------------------	-----------------	-----------------

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	<b>Giá gốc</b>	
	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.125.747.271	37.101.686.573

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7.481.623.299	3.281.317.133	744.217.272	7.696.917.785	19.204.075.489
Tăng trong năm	-	43.000.000	60.000.000	-	103.000.000
Thanh lý	-	(158.978.182)	-	(217.864.640)	(376.842.822)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.481.623.299</b>	<b>3.165.338.951</b>	<b>804.217.272</b>	<b>7.479.053.145</b>	<b>18.930.232.667</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	5.867.623.835	2.898.531.780	339.131.153	4.277.842.168	13.383.128.936
Khấu hao trong năm	420.849.598	271.990.506	154.176.696	833.839.956	1.680.856.756
Thanh lý	-	(158.978.182)	-	(217.864.640)	(376.842.822)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.288.473.433</b>	<b>3.011.544.104</b>	<b>493.307.849</b>	<b>4.893.817.484</b>	<b>14.687.142.870</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	1.613.999.464	382.785.353	405.086.119	3.419.075.617	5.820.946.553
Số dư cuối năm	1.193.149.866	153.794.847	310.909.423	2.585.235.661	4.243.089.797

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 8.774 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 6.592 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	719.000.000	2.703.050.000	3.422.050.000
Xóa sổ	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Số dư cuối năm	719.000.000	2.593.050.000	3.312.050.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	1.139.638.312	1.139.638.312
Khấu hao trong năm	-	588.329.976	588.329.976
Xóa sổ	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Số dư cuối năm	-	1.617.968.288	1.617.968.288
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	719.000.000	1.563.411.688	2.282.411.688
Số dư cuối năm	719.000.000	975.081.712	1.694.081.712

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	31/12/2015				1/1/2015					
		Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:											
▪ Công ty con											
• Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Đông Nai	954.500	55,33%	55,33%	12.408.500.000 (*)	830.000	55,33%	55,33%	9.545.000.000	-	(*)
▪ Đơn vị khác											
• Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000 (*)	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	-	(*)
					14.046.500.000				11.183.000.000	-	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Các khoản phải trả người bán**  
**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Sino Channel Asia	15.562.215.789	15.562.215.789	-	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	3.901.756.213	3.901.756.213	22.909.250	22.909.250
Công ty Cổ phần Nhật Nam	3.583.163.336	3.583.163.336	-	-
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	2.714.330.041	2.714.330.041	5.713.218.470	5.713.218.470
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Thương mại Bắc Miền Trung	1.786.143.400	1.786.143.400	932.311.901	932.311.901
Công ty Cổ phần Lilama 69-2	1.675.882.942	1.675.882.942	8.332.223.749	8.332.223.749
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật và Xây dựng Công nghiệp	1.618.670.369	1.618.670.369	615.994.269	615.994.269
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ	1.233.918.750	1.233.918.750	85.000.000	85.000.000
Công ty TNHH Chế tạo máy Phú Minh	391.126.780	391.126.780	1.998.967.330	1.998.967.330
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế 3T	56.680.946	56.680.946	1.454.200.000	1.454.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	-	3.271.894.845	3.271.894.845
Công ty Cổ phần Việt Sang Tạo	-	-	2.904.278.400	2.904.278.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng	-	-	2.499.802.108	2.499.802.108
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	-	-	2.117.933.982	2.117.933.982
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Lan Anh	-	-	2.076.172.577	2.076.172.577
Công ty Cổ phần Lisemco 2	-	-	1.863.918.586	1.863.918.586
Công ty TNHH Quảng Thành	-	-	1.099.969.200	1.099.969.200
Các nhà cung cấp khác	7.319.421.376	7.319.421.376	19.129.526.925	19.129.526.925
	<b>39.843.309.942</b>	<b>39.843.309.942</b>	<b>54.118.321.592</b>	<b>54.118.321.592</b>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	2.714.330.041	2.714.330.041	5.713.218.470	5.713.218.470

Khoản phải trả thương mại đối với công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.556.499.063	20.023.346.430	(5.375.490.150)	(16.777.814.439)	426.540.904
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.233.649.548	1.980.930.982	(3.089.744.758)	-	1.124.835.772
Thuế thu nhập cá nhân	212.807.137	1.329.475.878	(1.330.706.171)	-	211.576.844
Các loại thuế khác	78.192.433	366.496.513	(444.688.946)	-	-
	5.081.148.181	23.700.249.803	(10.240.630.025)	(16.777.814.439)	1.762.953.520

11/2/15 15:20:11

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trích trước chi phí các công trình	39.501.858.484	14.094.447.479
Trích trước chi phí lãi vay	113.362.676	-
	39.615.221.160	14.094.447.479

**16. Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	90.847.986.711	90.847.986.711	145.236.149.693	(231.633.755.604)	4.450.380.800	4.450.380.800

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hoàn Kiếm	VND	7,5%	-	38.932.561.309
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – CN Ba Đình	VND	7,5%	-	40.035.425.402
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đống Đa	VND	7,5%	990.380.800	-
Vay cá nhân	VND	9,5%	3.460.000.000	11.880.000.000
			4.450.380.800	90.847.986.711

Khoản vay các ngân hàng và vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	29.885.180.000	4.731.913.124	1.213.208.792	13.498.832.762	49.329.134.678
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.342.783.004	13.342.783.004
Phân bổ vào các quỹ	-	3.131.185.887	626.237.178	(3.757.423.065)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(1.552.474.355)	(1.552.474.355)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(5.977.036.000)	(5.977.036.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	29.885.180.000	7.863.099.011	1.839.445.970	15.554.682.346	55.142.407.327
<i>Đã phân loại lại Thuyết minh (31)</i>	-	<i>1.839.445.970</i>	<i>(1.839.445.970)</i>	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã phân loại lại</b>	29.885.180.000	9.702.544.981	-	15.554.682.346	55.142.407.327
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	7.479.305.268	7.479.305.268
Phân bổ vào các quỹ	-	4.002.834.901	-	(4.002.834.901)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.429.689.300)	(2.429.689.300)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(5.977.036.000)	(5.977.036.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	29.885.180.000	13.705.379.882	-	10.624.427.413	54.214.987.295

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần đã được duyệt và phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.988.518	29.885.180.000	2.988.518	29.885.180.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.988.518	29.885.180.000	2.988.518	29.885.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**19. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 khoản cổ tức 5.977 triệu VND (2014: 5.977 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2013).

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	689.678	15.483.261.672	9.383	199.938.490
LAK	3.000.000.000	7.350.000.000	-	-
EUR	60.092	1.469.001.943	103	2.908.231
		<u>24.302.263.615</u>		<u>202.846.721</u>

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	248.572.940.366	392.748.639.420
▪ Hoạt động tư vấn thiết kế	24.828.935.206	39.614.466.903
▪ Doanh thu khác	3.416.305.466	3.757.627.494
	<hr/> 276.818.181.038	<hr/> 436.120.733.817
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(251.600.991)	(633.315.557)
Doanh thu thuần	<hr/> 276.566.580.047	<hr/> 435.487.418.260

**22. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
▪ Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	215.745.691.310	364.126.160.035
▪ Hoạt động tư vấn thiết kế	16.512.971.326	22.688.650.818
▪ Hoạt động khác	2.309.043.809	1.581.274.687
	<hr/> 234.567.706.445	<hr/> 388.396.085.540

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	831.381.747	101.211.790
Cổ tức được chia	871.500.000	664.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.918.520	288.016.051
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.537.598	-
	<hr/> 1.717.337.865	<hr/> 1.053.227.841

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	6.237.247.583	7.526.350.615
Lỗi chênh lệch tỷ giá	149.331.000	158.599.432
Chi phí tài chính khác	-	792.170
	<hr/> 6.386.578.583	<hr/> 7.685.742.217

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí lương	12.851.724.755	9.891.709.901
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.168.029	109.974.955
Chi phí khấu hao	1.243.981.810	1.263.683.250
Thuế, phí và lệ phí	534.227.305	343.399.409
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	199.567.637	279.400.000
Chi phí bảo hiểm	1.273.631.210	991.598.857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.883.385.400	12.210.554.711
	<hr/> 33.075.686.146	<hr/> 25.090.321.083

**26. Thu nhập khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	22.409.091	1.685.487.332
Khoản phải trả nhà cung cấp được xóa nợ	5.499.805.725	-
	<hr/> 5.522.214.816	<hr/> 1.685.487.332

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	185.024.029.413	302.265.207.600
Chi phí nhân công	48.147.003.361	61.544.983.347
Chi phí khấu hao	2.269.186.732	2.971.885.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.601.073.314	45.985.910.234

**28. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.964.646.302	3.632.927.973
Dự phòng thiếu các năm trước	16.284.680	-
	<b>1.980.930.982</b>	<b>3.632.927.973</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.460.236.250	16.975.710.977
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.081.251.975	3.734.656.415
Chi phí không được khấu trừ thuế	75.124.327	44.351.558
Thu nhập không bị tính thuế	(191.730.000)	(146.080.000)
Dự phòng thiếu các năm trước	16.284.680	-
	<b>1.980.930.982</b>	<b>3.632.927.973</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015 và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.



**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</b>		
Cô tức	3.153.636.000	3.153.636.000
Cung cấp dịch vụ	2.552.195.173	3.036.471.367
<b>Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam</b>		
Mua hàng hóa	15.020.591.020	35.625.421.796
<b>Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.622.240.000	-
<b>Công ty Cổ phần DAP số 2</b>		
Cung cấp dịch vụ	114.970.318.928	307.678.748.303
<b>Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào</b>		
Cung cấp dịch vụ	73.777.671.150	8.447.263.631
<b>Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao</b>		
Cung cấp dịch vụ	8.202.873.312	7.299.263.369
<b>Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc</b>		
Cung cấp dịch vụ	7.850.869.836	24.239.212.128
<b>Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.639.664.144	804.674.546
<b>Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển</b>		
Cung cấp dịch vụ	836.002.395	1.818.181.818
<b>Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.588.440.909	1.205.108.182
<b>Công ty Cổ phần Bột giặt Lix</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.037.664.000	7.079.138.466
<b>Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	262.200.000

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty Cổ phần Bột giặt Net</b> Cung cấp dịch vụ	-	560.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình</b> Cung cấp dịch vụ	-	286.299.359
<b>Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam</b> Cung cấp dịch vụ	453.700.000	1.254.140.046
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Đông</b> Cung cấp dịch vụ	-	410.916.394
<b>Ban QLDA Đạm Ninh Bình</b> Cung cấp dịch vụ	-	51.828.182
<b>Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam</b> Cung cấp dịch vụ	-	120.000.000
<b>Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn</b> Cung cấp dịch vụ	-	139.897.900
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	2.401.644.440	2.286.307.620
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b> Tiền thù lao	336.000.000	300.000.000

**30. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán riêng**

Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã đưa ra các Quyết định 386/QĐ-CECO, 387/QĐ-CECO, 388/QĐ-CECO về việc giải thể chi nhánh tại Hải Phòng và thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất; giải thể chi nhánh tại Phú Thọ và thành lập Công ty Cổ phần CECO Hà Nội; và giải thể chi nhánh tại Hà Nội và sáp nhập vào văn phòng công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất và Công ty Cổ phần CECO Hà Nội có vốn điều lệ mỗi công ty là 6 tỷ VND trong đó Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nắm giữ 51%. Các quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

**Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp Hóa chất**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán riêng**

	1/1/2015 (đã phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	11.235.987.774	2.136.401.827
Tài sản ngắn hạn khác	-	9.099.585.947
Phải thu dài hạn khác	6.401.525.607	-
Tài sản dài hạn khác	-	6.401.525.607
Phải trả người bán ngắn hạn	54.118.321.592	49.675.234.244
Phải trả ngắn hạn khác	5.092.396	4.448.179.744
Quỹ dự phòng tài chính	-	1.839.445.970
Quỹ đầu tư phát triển	9.702.544.981	7.863.099.011

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Trần Ngọc Sơn  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Đinh Đức Bộ  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng  
 Giám đốc